

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BANG**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

(Áp dụng từ năm học 2021-2022)

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ngàytháng.....năm..... của
Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng)

Tên chương trình: **XÉT NGHIỆM Y HỌC**

MEDICINE LABORATORY

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: Kỹ thuật Xét nghiệm Y học

Mã số: **7720601**

Tên gọi của văn bằng: Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân xét nghiệm y học chuyên ngành Xét nghiệm có y đức; có kiến thức khoa học cơ bản vững; có kiến thức và kỹ năng về chuyên ngành ở trình độ đại học; làm chủ được các kỹ thuật xét nghiệm thuộc lĩnh vực: Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh, Huyết học truyền máu, Tế bào và Giải phẫu bệnh; có khả năng tự học vươn lên, tham gia nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học sau khi tốt nghiệp phải có:

- Kiến thức:

PO1: Có kiến thức về nguyên tắc, cách đo, cách tính kết quả của các kỹ thuật xét nghiệm và nguyên lý hoạt động của các máy xét nghiệm đã được sử dụng tại trường và bệnh viện.

PO2: Có kiến thức về tổ chức phòng xét nghiệm (PXN) an toàn sinh học (ATSH), thiết lập và đánh giá được kế hoạch phòng ngừa nguy cơ ATSH. Có kiến thức về bảo đảm - kiểm tra chất lượng xét nghiệm, thiết lập và thực hiện được kế hoạch bảo đảm chất lượng cho phòng xét nghiệm tuyến tỉnh.

PO3: Có kiến thức về mối liên quan giữa các xét nghiệm và bệnh học.

PO4: Có kiến thức về các phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành xét nghiệm y học.

PO5: Có trình độ tiếng Anh tương đương B1 khung Châu Âu, tiếng Anh chuyên ngành xét nghiệm theo tiêu chuẩn của khoa và trình độ tin học tương đương trình độ A khi tốt nghiệp.

- Kỹ năng:

PO6: Pha chế được các dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường nuôi cấy

theo từng chuyên khoa. Thực hiện được các xét nghiệm Hóa sinh, Huyết học, Ký sinh, Vi sinh, Tế bào và Giải phẫu bệnh bằng cách sử dụng các bộ thuốc thử bán sẵn. Sử dụng và bảo quản được các thiết bị xét nghiệm được học tại trường và bệnh viện.

PO7: Tổ chức và quản lý được hoạt động của PXN y học tuyến tỉnh đạt an toàn sinh học cấp 2. Thực hiện và đánh giá được nội và ngoại kiểm tra, biết tìm nguyên nhân sai số xét nghiệm và đề ra biện pháp khắc phục

PO8: Chủ trì được đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở thuộc chuyên ngành xét nghiệm
- *Mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

PO9: Trung thực, khách quan. Có ý đức, có trách nhiệm với bệnh nhân và xã hội.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, sinh viên cần đạt các yêu cầu tối thiểu sau:

2.1. Kiến thức

PLO1. Vận dụng được các kiến thức khoa học xã hội và chính trị vào học tập, nghiên cứu và hành nghề.

PLO2. Vận dụng được các kiến thức y khoa cơ bản vào học tập, nghiên cứu và hành nghề chuyên khoa xét nghiệm.

PLO3. Trình bày được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm và nguyên lý hoạt động của các máy xét nghiệm: Hóa sinh, Huyết học, Vi sinh, Ký sinh trùng, Tế bào – Giải phẫu bệnh đã được học và hướng dẫn sử dụng tại trường và bệnh viện.

PLO4. Hiểu rõ các kiến thức về ATSH, thiết lập và đánh giá hiệu quả kế hoạch phòng ngừa nguy cơ ATSH.

PLO5. Hiểu rõ các kiến thức về bảo đảm – kiểm tra chất lượng xét nghiệm, thiết lập và đánh giá hiệu quả kế hoạch bảo đảm và kiểm tra chất lượng cho phòng xét nghiệm tuyến tỉnh.

PLO6. Áp dụng được các kiến thức y khoa cơ bản và xét nghiệm vào việc biện luận kết quả xét nghiệm.

PLO7. Hiểu rõ các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Xét nghiệm Y học.

PLO8. Đạt được trình độ tiếng anh tương đương B1 khung Châu Âu và trình độ tiếng anh chuyên ngành theo chuẩn của khoa khi tốt nghiệp.

2.2. Kỹ năng

PLO9. Thực hiện thành thạo các xét nghiệm thuộc chuyên ngành Hóa sinh, Huyết học, Vi sinh, Ký sinh trùng, Tế bào - Giải phẫu bệnh đã được thực tập tại trường và bệnh viện.

PLO10. Pha chế chính xác và an toàn các dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử,

môi trường nuôi cấy theo từng chuyên khoa. Sử dụng thành thạo và bảo quản đúng cách các thiết bị xét nghiệm được hướng dẫn sử dụng tại trường và bệnh viện.

PLO11. Thiết kế, tổ chức và quản lý được các hoạt động của PXN an toàn sinh học cấp 2. Phân tích nguy cơ và xử lý được các sự cố ATSH.

PLO12. Thiết kế, tổ chức và quản lý được chương trình bảo đảm – kiểm tra chất lượng xét nghiệm cho một phòng xét nghiệm tuyến tỉnh.

PLO13. Chủ trì hoặc tham gia các công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO14. Trung thực, khách quan, cẩn thận trong công việc chuyên môn; có ý đức, đạo đức nghề nghiệp; có trách nhiệm với bệnh nhân và xã hội.

PLO15. Có ý thức phát triển nghề nghiệp, tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập liên tục suốt đời

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 130 TC

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh của Trường.

5. Quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế đào tạo đại học của Trường.

6. Cách thức đánh giá

Theo quy chế thi, kiểm tra đánh giá của Trường.

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc chương trình

ST T	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
A.	Giáo dục đại cương	21	-
B.	Giáo dục chuyên nghiệp	105	4
	I. Khối kiến thức cơ sở khối ngành	17	0
	II. Khối kiến thức cơ sở ngành	18	0
	III. Khối kiến thức ngành/chuyên ngành	64	4
	IV. Khối kiến thức cuối khóa	6	0
TỔNG		126	4
		130	

Khối kiến thức giáo dục đại cương có **21** tín chỉ gồm các học phần về chính trị, khoa học xã hội, toán – tin học – khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức nền tảng cơ bản và kỹ năng mềm cần thiết cho các học phần khác của

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp có **109** tín chỉ (105 bắt buộc và 4 tự chọn) gồm các học phần về kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và khóa

luyện tốt nghiệp nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức từ nền tảng đến chuyên sâu và kỹ năng thực hành từ cơ bản đến nâng cao trong các lĩnh vực về xét nghiệm Y học

Khóa luận/Đề án tốt nghiệp/Các môn thay thế có 6 tín chỉ

7.2. Nội dung chương trình dạy học

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
A	Khối kiến thức giáo dục đại cương: 21 TC (Bắt buộc: 21 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 16.2% số TC CTĐT													
I	Lý luận Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh		11											
1	05068	Triết học Mác- Lê nin	3	3	0	3		45		90				IV
2	05069	Kinh tế chính trị Mác Lê- Lê nin	2	2	0	2		30		60				V
3	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2		30		60				V
4	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	2		30		60				VI
5	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2		30		60				VI
II	Pháp luật		4											
6	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2		30		60				III
7	00008	Tin học đại cương	2	1	1	2		15	30	60				I
III	Ngoại ngữ		6											
8	GE1017	Anh văn I	3	3	0	3		45		90				I
9	GE1018	Anh văn II	3	3	0	3		45		90				II
IV	Giáo dục thể chất		3											
10	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3	1	2	3*		15	60	90				I
V	Giáo dục quốc phòng - an ninh		8											
11	02309	LT - Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5	5	0	5*		75		150				II
12	02310	TH - Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3	0	3	3*			90	90				II
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 109 TC (Bắt buộc: 105 TC; Tự chọn: 4 TC), chiếm 83.8% số TC CTĐT													
I	Khối kiến thức cơ sở khối ngành: 17 TC (Bắt buộc: 17TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 13% số TC CTĐT													
13	ML2001	Sinh học và di truyền	2	1	1	2		15	30	60				II
14	ML2002	Lý sinh	2	2	0	2		30		60				II
15	ML2003	Hóa học	2	2	0	2		30		60				II
16	MD1036	Xác suất – Thống kê y học	2	2	0	2		30		60				I
17	MD1037	Tâm lý y học – Đạo đức y học	2	2	0	2		30		60				I
18	MD1031	Dẫn số - Truyền thông giáo dục sức khỏe	2	2	0	2		30		60				I
19	ML2007	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	1	1	0	1		15		30		16		I
20	ML2019	Anh văn chuyên ngành I	2	2	0	2		30		60				III
21	ML2020	Anh văn chuyên ngành II	2	2	0	2		30		60		20		IV
II	Khối kiến thức cơ sở ngành: 18 TC (Bắt buộc: 18 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 13.8% số TC CTĐT													
22	ML2008	Giải phẫu	2	1	1	2		15	30	60		24		I
23	ML2009	Sinh lý	2	1	1	2		15	30	60				II
24	ML2010	Mô phôi	2	1	1	2		15	30	60				II
25	ML2011	Giải phẫu bệnh	3	2	1	2		30	30	90				III

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành		
26	ML2012	Sinh lý bệnh miễn dịch	2	2	0	2		30		60			23		II
27	ML2013	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1	2		15	30	60					III
28	ML2014	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	1	0	1		15		30					II
29	ML2015	Dịch tễ học	1	1	0	1		15		30					I
30	ML2016	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	1	1	0	1		15		30					I
31	ML2017	Nội cơ sở	1	1	0	1		15		30					III
32	ML2018	Ngoại cơ sở	1	1	0	1		15		30					III
III	Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: 68 TC (Bắt buộc: 64 TC; Tự chọn: 4 TC), chiếm 52.3% số TC CTĐT														
33	ML3002	Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	2	0	2		30		60					VII
34	ML3004	Chống nhiễm khuẩn bệnh viện	1	1	0	1		15		30					VII
35	ML3006	Hóa sinh cơ sở	3	3	0	3		45		90					IV
36	ML3007	Thực hành Hóa sinh cơ sở	2	0	2	2			60	60			35		IV
37	ML3008	Vi sinh Y học	2	2	0	2		30		60					V
38	ML3009	Thực hành Vi sinh Y học	2	0	2	2			60	60			37		V
39	ML3010	Đơn bào - Giun sán	2	2	0	2		30		60					III
40	ML3011	Thực hành Ký sinh trùng đường ruột	2	0	2	2			60	60			39		III
41	ML3012	Huyết học tế bào	2	2	0	2		30		60					III
42	ML3013	Thực hành Huyết học cơ sở	2	0	2	2			60	60			41		III
43	ML3014	Thực hành Huyết học tế bào	2	0	2	2			60	60		43			IV
44	ML3015	Huyết học đông máu và truyền máu	2	2	0	2		30		60					V
45	ML3016	Thực hành đông máu và truyền máu	2	0	2	2			60	60			44		V
46	ML3017	Vi sinh lâm sàng 1	2	2	0	2		30		60					VI
47	ML3018	Thực hành vi sinh lâm sàng 1	3	0	3	3			90	90			46		VI
48	ML3019	Vi sinh lâm sàng 2	2	2	0	2		30		60		46			VII
49	ML3020	Thực hành vi sinh lâm sàng 2	2	0	2	2			60	60			48		VII
50	ML3021	Hóa sinh lâm sàng 1	2	2	0	2		30		60		35			V
51	ML3022	Thực hành Hóa sinh lâm sàng 1	2	0	2	2			90	90		36	50		V
52	ML3024	Xét nghiệm huyết học nâng cao	2	1	1	2		15	30	60		45			VII
53	ML3001	Ảnh hưởng của thuốc trên kết quả xét nghiệm	1	1	0	1		15		30					VII
54	ML3025	Hóa sinh lâm sàng 2	2	2	0	2		30		60		50			VI
55	ML3026	Thực hành Hóa sinh lâm sàng 2	3	0	3	3			90	90		51	54		VI
56	ML3027	Ký sinh trùng sốt rét - Tiết túc y học	2	2	0	2		30		60		39			IV
57	ML3028	Thực hành Ký sinh trùng sốt rét - Tiết túc y học	2	0	2	2			60	60		40	56		IV
58	ML3029	Vi nấm y học	2	2	0	2		30		60		55			VI
59	ML3030	Thực hành Vi nấm y học	2	0	2	2			60	60		56	58		VI
60	ML3047	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh	3	0	3	3			135	135					VIII
61	ML3023	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm vi sinh - ký sinh	3	0	3	3			135	135					VIII

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
62	ML3031	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm huyết học	3	0	3	3			135	135				VIII
Các học phần tự chọn (chọn 2 học phần trong 4 học phần tự chọn)			0	0	0									
63	ML3039	Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh	2	0	2	2	2		60	60				VII
64	ML3041	Định hướng cơ bản chuyên khoa Vi sinh	2	0	2	2	2		60	60				VII
65	ML3043	Định hướng cơ bản chuyên khoa Ký sinh	2	0	2	2	2		60	60				VII
66	ML3045	Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học	2	0	2	2	2		60	60				VII
IV	Khối kiến thức cuối khóa (thực tập nghề nghiệp, khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp/các học phần thay thế): 6 TC (Bắt buộc: 6 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 4.6% số TC CTĐT													
67	ML3037	Khoá luận tốt nghiệp	6	0	6	6			180	180				VIII
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp														
68	ML3038	Kiến thức chuyên ngành tổng hợp	3	3	0	3		45		90				VIII
69	ML3040	Kiến thức Thực hành nghề nghiệp	3	0	3	3	0		90	90				VIII
Tổng số tín chỉ của toàn chương trình: 130 TC (Bắt buộc: 126 TC; Tự chọn: 4 TC)														

8. Tổ chức thực hiện

8.1 Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Học kỳ I: 16 TC (Bắt buộc: 19TC; Tự chọn: 0 TC)			16							
1	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3	1	2	3*	0	15	60	90
2	GE1017	Anh văn I	3	3	0	3	0	45	0	90
3	00008	Tin học đại cương	2	1	1	2	0	15	30	60
4	ML2008	Giải phẫu	2	1	1	2	0	15	30	60
5	MD1037	Tâm lý y học – Đạo đức y học	2	2	0	2	0	30	0	60
6	MD1036	Xác xuất – Thống kê y học	2	2	0	2	0	30	0	60
7	MD1031	Dân số - Truyền thông giáo dục sức khỏe	2	2	0	2	0	30	0	60
8	ML2007	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	1	1	0	1	0	15	0	30
9	ML2015	Dịch tễ học	1	1	0	1	0	15	0	30
10	ML2016	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	1	1	0	1	0	15	0	30
Học kỳ II: 16 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 0 TC)			16							
1	02309	LT- Giáo dục quốc phòng - An ninh (*)	5	5	0	5*	0	75	0	150
2	ML2001	Sinh học và di truyền	2	1	1	2	0	15	30	60
3	ML2002	Lý sinh	2	2	0	2	0	30	0	60
4	GE1018	Anh văn II	3	3	0	3	0	45	0	90

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
5	ML2003	Hóa học	2	2	0	2	0	30	0	60
6	ML2010	Mô phôi	2	1	1	2	0	15	30	60
7	ML2012	Sinh lý bệnh miễn dịch	2	2	0	2	0	30	0	60
8	ML2014	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	1	1	0	1	0	15	0	30
9	ML2009	Sinh lý	2	1	1	2	0	15	30	60
10	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3	0	3	3*	0	0	90	90
Học kỳ III: 19 TC (Bắt buộc: 19TC; Tự chọn: 0 TC)			19							
1	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2	0	30	0	60
2	ML2017	Nội cơ sở	1	1	0	1	0	15	0	30
3	ML2011	Giải phẫu bệnh	3	2	1	2	0	30	30	90
4	ML2019	Anh văn chuyên ngành I	2	2	0	2	0	30	0	60
5	ML2018	Ngoại cơ sở	1	1	0	1	0	15	0	30
6	ML2013	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1	2	0	15	30	60
7	ML3010	Đơn bào - Giun sán	2	2	0	2	0	30	0	60
8	ML3011	Thực hành Ký sinh trùng đường ruột	2	0	2	2	0	0	60	60
9	ML3012	Huyết học tế bào	2	2	0	2	0	30	0	60
10	ML3013	Thực hành Huyết học cơ sở	2	0	2	2	0	0	60	60
Học kỳ IV: 16 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 0 TC)			16							
1	05068	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3	0	45	0	90
2	ML2020	Anh văn chuyên ngành II	2	2	0	2	0	30	0	60
3	ML3014	Thực hành Huyết học tế bào	2	0	2	2	0	0	60	60
4	ML3006	Hóa sinh cơ sở	3	3	0	3	0	45	0	90
5	ML3007	Thực hành Hóa sinh cơ sở	2	0	2	2	0	0	60	60
6	ML3027	Ký sinh trùng sốt rét - Tiết túc y học	2	2	0	2	0	30	0	60
7	ML3028	Thực hành Ký sinh trùng sốt rét - Tiết túc y học	2	0	2	2	0	0	60	60
Học kỳ V: 16 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 0 TC)			16							
1	05069	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	2	0	30	0	60
2	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	30	0	60
3	ML3008	Vi sinh Y học	2	2	0	2	0	30	0	60
4	ML3009	Thực hành Vi sinh Y học	2	0	2	2	0	0	60	60
5	ML3015	Huyết học đông máu và truyền máu	2	2	0	2	0	30	0	60
6	ML3016	Thực hành đông máu và truyền máu	2	0	2	2	0	0	60	60
7	ML3021	Hóa sinh lâm sàng 1	2	2	0	2	0	30	0	60
8	ML3022	Thực hành Hóa sinh lâm sàng 1	2	0	2	2	0	0	60	60
Học kỳ VI: 18 TC (Bắt buộc: 18 TC; Tự chọn: 0 TC)			18							
1	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	2	0	30	0	60
2	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2	0	30	0	60
3	ML3029	Vi nấm y học	2	2	0	2	0	30	0	60
4	ML3030	Thực hành Vi nấm y học	2	0	2	2	0	0	60	60
5	ML3017	Vi sinh lâm sàng 1	2	2	0	2	0	30	0	60
6	ML3018	Thực hành vi sinh lâm sàng 1	3	0	3	3	0	0	90	90
7	ML3025	Hóa sinh lâm sàng 2	2	2	0	2	0	30	0	60

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết		
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
8	ML3026	Thực hành Hóa sinh lâm sàng 2	3	0	3	3	0	0	90	90
Học kỳ VII: 14 TC (Bắt buộc: 10 TC; Tự chọn: 4 TC)			10							
1	ML3004	Chống nhiễm khuẩn bệnh viện	1	1	0	1	0	15	0	30
2	ML3024	Xét nghiệm huyết học nâng cao	2	1	1	2	0	15	30	60
3	ML3002	Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	2	0	2	0	30	0	60
4	ML3001	Ảnh hưởng của thuốc trên kết quả xét nghiệm	1	1	0	1		15		30
5	ML3019	Vi sinh lâm sàng 2	2	2	0	2		30		60
6	ML3020	Thực hành vi sinh lâm sàng 2	2	0	2	2	0	0	60	60
Học phần tự chọn (chọn 2 học phần trong 4 học phần tự chọn)			4							
7	ML3039	Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh	2	0	2	2	2	0	60	60
8	ML3041	Định hướng cơ bản chuyên khoa Vi sinh	2	0	2	2	2	0	60	60
9	ML3043	Định hướng cơ bản chuyên khoa Ký sinh	2	0	2	2	2	0	60	60
10	ML3045	Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học	2	0	2	2	2	0	60	60
Học kỳ VIII: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 0 TC)			15							
1	ML3047	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh	3	0	3	3	0	0	135	135
2	ML3023	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm vi sinh - ký sinh	3	0	3	3	0	0	135	135
3	ML3031	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm huyết học	3	0	3	3	0	0	135	135
4	ML3037	Khoá luận tốt nghiệp	6	0	6	6	0	0	180	180
Môn học thay thế khóa luận										
5	ML3038	Kiến thức chuyên ngành tổng hợp	3	3	0	3	0	45	0	90
6	ML3040	Kiến thực Thực hành nghề nghiệp	3	0	3	3	0	0	90	90
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			130	7	7					

Lưu ý: Hạn chế bố trí một học phần ở học kỳ 2 nếu học phần điều kiện tiên quyết của học phần đó được học ở học kỳ 1.

8.2 Hướng dẫn thực hiện chương trình

- ❖ **Chương trình giáo dục đại học này được thiết kế dựa trên văn bản sau:**
 - Quy chế đào tạo trình độ đại học Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - Quy chế đào tạo trình độ đại học Ban hành theo Quyết định số 233/QĐ-HIU ngày 01 tháng 07 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng;
- ❖ **Yêu cầu đối với sinh viên khoa và giáo viên khoa Xét nghiệm Y học**
 - Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Xét nghiệm Y học trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện đầy đủ các danh mục các học phần theo đúng quy định của khung chương trình đào tạo.
 - Đề cương chi tiết học phần kèm theo chương trình này là cơ sở để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nề nếp; thực hiện nội dung giảng dạy và nội dung của các đề thi kết thúc học phần.

- Giảng viên giảng dạy mỗi học phần có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và có chất lượng cao các nội dung dạy và học trong đề cương chi tiết môn học; đảm bảo chính xác phân phối tỷ lệ giờ: lý thuyết, thảo luận, bài tập thực hành, tự học.
- Lớp học mở theo đăng ký của sinh viên. Mỗi lớp học có ít nhất 20 sinh viên đăng ký trở lên.
- Thời gian cho sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ là theo quy chế đào tạo của Trường. Khi tích lũy đủ số tín chỉ qui định trong khung chương trình đào tạo thì sinh viên mới được xét cấp bằng tốt nghiệp.

9. Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)

9.1. Triết học Mác Lê Nin

Trình bày những nét khái quát nhất về triết học Mac-Lê Nin và vai trò của Triết học Mác Lê Nin trong đời sống xã hội. Những nội dung cơ bản chủ nghĩa duy vật biện chứng. Lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Những nội dung cơ bản chủ nghĩa duy vật lịch sử....

9.2. Kinh tế chính trị Mác Lê Nin

Trình bày đối tượng phương Pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mac Lê Nin, hàng hóa thị trường và vai trò các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị gia tăng thặng dư trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

9.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học, những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Xã hội khoa học.

9.4. Lịch Sử Đảng cộng Sản Việt Nam

Học phần tập trung vào làm rõ sự ra đời của của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối đấu tranh giành nước, đất, chính quyền, giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc; đường lối công nghiệp hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị, phát triển nền văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại của Đảng. Người học cần xác định các kiến thức về đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam.

9.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần cung cấp các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về Đại đoàn kết, về xây dựng một nhà nước kiểu mới ở Việt Nam và về đạo đức, văn hóa và xây



dựng con người mới... cùng với những sáng tạo về lý luận và thực tiễn chỉ đạo cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng XHCN Việt Nam của Hồ Chí Minh. Người học cần xác định các kiến thức về cộng sản chủ nghĩa, đường lối cách mạng, đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

9.6. Pháp luật đại cương

Trang bị cho học viên kiến thức về nguồn gốc, bản chất của nhà nước và pháp luật. Giới thiệu những khái niệm cơ bản về pháp luật. Giới thiệu hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay, tập trung vào một số ngành luật thông dụng giúp sinh viên ứng xử, chấp hành tốt các chính sách của Nhà nước cũng như các quy định pháp luật, đảm bảo kỷ cương xã hội, bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ của bản thân.

9.7. Tin học đại cương

Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word; dùng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng

9.8. Anh văn I

Học phần này cung cấp cho sinh viên những từ vựng cơ bản tiếng anh trong chuyên ngành điều dưỡng, đồng thời cung cấp các cấu trúc văn phạm và các kỹ năng đọc hiểu cần thiết để đọc các tài liệu tiếng anh chuyên ngành. Học phần này sẽ hỗ trợ sinh viên điều dưỡng nâng cao kỹ năng nói qua các bài hội thoại, các bài tập ngữ pháp giúp sinh viên nắm chắc các cấu trúc ngữ pháp cơ bản của tiếng anh chuyên ngành và có kỹ năng giao tiếp trong các tình huống. Sinh viên có thể áp dụng tiếng anh chuyên ngành trong quá trình thăm khám, nhận định, chẩn đoán và đưa ra kế hoạch chăm sóc cho người bệnh trong các tình huống thường gặp

9.9. Anh Văn II

Học phần này được thiết kế tích hợp giữa 4 kỹ năng: Nghe- nói- đọc- viết cùng với các điểm ngữ pháp. Sau mỗi đơn vị bài học về kỹ năng tích hợp sẽ có 1 bài ôn luyện và trau dồi kỹ năng, nhằm giúp người học rèn luyện kỹ năng làm bài, chuẩn bị tốt cho bài thi. Các kỹ năng làm bài bám sát định dạng đề thi bao gồm Nghe / Đọc chọn các câu đúng sai/không đề cập trong bài, bài tập đa lựa chọn; Điền khuyết (Ngữ pháp); Thảo luận dựa vào tranh ảnh; Đóng vai theo tình huống (Nói); ghép nhiều lựa chọn (Đọc); Viết theo chủ đề. Người học cần ứng dụng các kiến thức anh văn cơ bản về giao tiếp, tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh gia đình và cộng đồng

9.10. Giáo dục thể chất (*)

Học phần này nhằm trang bị cho học sinh kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe; kiến thức và kỹ năng vận động; hình thành thói quen tập luyện, khả năng lựa chọn môn thể thao phù hợp để luyện tập nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực và tố chất vận động; trên cơ sở đó giúp học sinh có ý thức, trách nhiệm đối với sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng, thích ứng với các điều kiện sống, sống vui vẻ, hoà đồng với mọi người. Sau khi học xong học phần này, sinh viên cần biết áp dụng các Kiến thức rèn luyện thân thể để nâng cao sức khỏe của bản thân và cộng đồng..

9.11. Lý thuyết Giáo dục quốc phòng – An ninh

Học phần này giới thiệu những vấn đề cơ bản về truyền thống quân đội Nhân dân Việt Nam và nghĩa vụ của người thanh niên đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng. Người học cần xác định được các kiến thức về đường lối cách mạng, đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam..

9.12. Thực hành Giáo dục Quốc Phòng An Ninh

Học phần này hướng dẫn người học thực hiện được những thao tác kỹ thuật về: điều lệ đội ngũ, bắn súng AK, ném lựu đạn, chiến thuật tiến công và phòng ngự trong chiến đấu và rèn luyện được tác phong quân sự trong sinh hoạt, học tập, góp phần giữ vững trật tự, an ninh trong nhà trường. Người học có thể áp dụng các kiến thức này trong rèn luyện thân thể cũng như bảo vệ quốc gia

9.13. Sinh học và di truyền

Học phần giới thiệu cho sinh viên các nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử); phục vụ thiết thực cho các môn y học cơ sở và lâm sàng; làm được một số kỹ thuật để minh họa kiến thức sinh học và di truyền.

9.14. Lý sinh

Trình bày những kiến thức hóa lý cơ bản để hiểu và giải thích được chức năng sinh học trên cơ sở cấu trúc và các đặc điểm đặc trưng của hệ thống sống.

9.15. Hóa học

Trình bày những kiến thức cơ bản về danh pháp, cấu trúc, cơ chế phản ứng, tính chất lý học và tính chất hoá học của các hợp chất hydrocarbon, các hợp chất đơn chức, các hợp chất đa chức, hợp chất tạp chức, hợp chất thiên nhiên và hợp chất cao phân tử.

9.16. Xác suất – Thống kê y học

Trình bày được khái niệm cơ bản về xác suất và thống kê; nêu các bước của bài toán kiểm định giả thiết thống kê; áp dụng các bài toán thống kê phù hợp trong xử lý các số liệu y học.

9.17. Tâm lý y học – Đạo đức y học

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý và tâm lý y học; giải thích được một cách biện chứng về các hiện tượng tâm lý, cơ chế tác động của các yếu tố tâm lý tới sức khỏe; vận dụng được kiến thức tâm lý trong giao tiếp với bệnh nhân, với cộng đồng, với cộng đồng và giúp bệnh nhân vượt qua được một số khó khăn về mặt tâm lý.

Học phần cung cấp cho sinh viên các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành lâm sàng và nghiên cứu khoa học; trình bày được trách nhiệm của người cử nhân xét nghiệm theo quy định của Bộ Y tế và Hiệp hội y học thế giới; phân tích được các tình huống xảy ra trong nghề nghiệp theo nguyên lý đạo đức y học; thực hiện đúng trách nhiệm của người sinh viên y khoa trong giao tiếp với bệnh nhân/ gia đình bệnh nhân/ các thành viên khác trong nhóm và trong thực hành nghề nghiệp dựa trên các quy định chung của quốc tế và Việt Nam.

9.18. Dân số - Truyền thông giáo dục sức khỏe

Nắm vững các quan điểm cơ bản của Đảng về công tác y tế và chiến lược mục tiêu của ngành. Trình bày được khái niệm, nguyên lý nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Việt Nam. Nêu được các nguyên tắc chăm sóc bệnh nhân và chống nhầm lẫn thuốc men. Trình bày được các chương trình y tế quốc gia đang triển khai tại Việt Nam. Trình bày được các định nghĩa, nguyên tắc và phương pháp, phương tiện giáo dục nâng cao sức khỏe.

9.19. Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe

Trình bày những thông tin, những kiến thức cơ bản, các bước trong nghiên cứu khoa học, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thí nghiệm và các trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học.

9.20. Anh văn chuyên ngành I

Đọc và hiểu tài liệu chuyên ngành tiếng anh về nội dung một số hệ cơ quan trong cơ thể, giải phẫu và sinh lý học, sinh lý bệnh,. Sinh viên sẽ hiểu thêm về thành phần và cấu tạo của máu, phân, nước tiểu và các dịch tiết trong cơ thể cũng như một số xét nghiệm thường quy, một số kiến thức chung về phòng thí nghiệm

9.21. Anh văn chuyên ngành II

Giới thiệu một số xét nghiệm thường quy bằng tiếng Anh. Cung cấp cho sinh viên một số từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành y nói chung và chuyên ngành xét nghiệm nói riêng. Cải thiện và nâng cao kỹ năng đọc tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh của sinh viên. Cải thiện và nâng cao kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên

9.22. Giải phẫu

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể, liên quan và cấu tạo của các bộ phận/ cơ quan/ hệ cơ quan của cơ thể người; nhận biết và nêu đúng được tên gọi của những chi tiết giải phẫu chính của các bộ phận/cơ quan cơ thể người; nêu lên được những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp.

9.23. Sinh lý

Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng trong mỗi liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường; vận dụng được những kiến thức cơ bản sinh lý học để giải thích một số rối loạn chức năng và áp dụng vào việc học tập các môn lâm sàng.

9.24. Mô Phôi

Mô Phôi là học phần cơ sở của ngành khoa học sức khỏe, học phần này gồm hai phần: Mô học và Phôi thai học. Mô học giúp sinh viên nắm được chức năng và cơ chế hoạt động chủ yếu của các thành phần cấu tạo đó trong điều kiện bình thường; giải thích được sự liên quan chặt chẽ giữa cấu tạo và chức năng trong từng mô và cơ quan. Phôi thai học không chỉ nghiên cứu quá trình phát triển cá thể từ lúc mới hình thành ngay sau thụ tinh cho đến khi sinh ra mà còn tiếp tục nghiên cứu cho đến khi các cơ quan, hệ thống đã hoàn tất sự phát triển về cấu trúc và chức năng.

9.25. Giải phẫu bệnh

Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý; nhận định được mối quan hệ giữa hình thái và chức năng; giữa con người và môi trường sống trong việc phân tích những biểu hiện lâm sàng của bệnh; vận dụng kiến thức đã học cả về lý thuyết và thực hành để xác định chẩn đoán một số bệnh thường gặp ở Việt Nam, tìm hiểu nguyên nhân để đóng góp cho điều trị, phòng bệnh cũng như chăm sóc sức khỏe ban đầu.

9.26. Sinh lý bệnh - miễn dịch

Học phần giới thiệu quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình – quy luật hoạt động của bệnh nói chung để vận dụng vào

thực hành lâm sàng. So sánh phân biệt bản chất và hiện tượng trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học trên cơ sở phân tích và tổng hợp các hiện tượng bệnh lý.

Giải thích và mô tả về hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch không đặc hiệu và hệ thống miễn dịch đặc hiệu (miễn dịch thể dịch và miễn dịch qua trung gian tế bào) trong khả năng đề kháng phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiếu năng miễn dịch và tự miễn..

9.27. Điều dưỡng cơ bản

Trang bị cho sinh viên kỹ năng chuẩn bị, tiếp nhận người bệnh, kỹ năng thực hành các kỹ thuật điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh trong một số tình huống cụ thể.

9.28. Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm

Trình bày những kiến thức cơ bản về thành phần các chất dinh dưỡng có trong thực phẩm, các loại khẩu phần ăn cho các đối tượng lao động, các yêu cầu về vệ sinh thực phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm trong ngành ăn uống và mối liên hệ với khoa học sức khỏe

9.29. Dịch tễ học

Trình bày được các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; tính toán được các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng, mô tả được tình hình sức khỏe và bệnh tật của cộng đồng. Trình bày được cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh. Trình bày được cách đánh giá một chương trình can thiệp

9.30. Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp

Trình bày tổng quan về sức khỏe môi trường; Cơ sở sinh thái học của sức khỏe và bệnh tật; Tác động của các nguồn ô nhiễm tới sức khỏe môi trường; Quản lý sức khỏe môi trường và phát triển bền vững.

Đại cương về vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp; Bệnh nghề nghiệp; Sinh lý lao động và an toàn trong lao động.

9.31. Nội cơ sở

Với học phần nội cơ sở sinh viên sẽ được học về kỹ thuật khám toàn thân và các tạng; các tổn thương cơ bản của bệnh, các triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm và Xquang chính của bệnh; phân biệt được bệnh này với bệnh khác; các nguyên nhân chính của các hội

chúng.

9.32. Ngoại cơ sở

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cách khám, các triệu chứng và các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; một số kiến thức cơ bản về gây tê, gây mê, vô khuẩn và tiệt khuẩn trong ngoại khoa. Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp.

9.33. Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm

Tham gia tổ chức, quản lý một phòng xét nghiệm tuyến tỉnh. Trình bày được nguyên nhân cơ bản làm sai lệch kết quả xét nghiệm và cách khắc phục. Làm được giá trị đối chiếu cho một xét nghiệm thông thường. Làm nội kiểm tra và xử lý được những tình huống kết quả xét nghiệm ra ngoài phạm vi kiểm tra

9.34. Chống nhiễm khuẩn bệnh viện

Khái niệm về kiểm soát nhiễm khuẩn và tầm quan trọng công tác KSNK bệnh viện. Mô hình hoạt động công tác KSNK, hướng dẫn công tác phòng ngừa chống dol và phòng xét nghiệm. Sự dụng phương tiện phòng hộ cá nhân khi lấy máu và vận chuyển bệnh phẩm. Hướng dẫn xử lý an toàn bệnh phẩm và vệ sinh môi trường phòng xét nghiệm.

9.35. Hóa sinh cơ sở

Trình bày về cấu tạo hóa học và chuyển hóa các chất glucid – Lipid - Protid và sự liên quan chuyển hóa giữa các chất trên.

9.36. Thực hành Hóa sinh cơ sở

Khảo sát phản ứng tạo phức màu với Iod của PS

Khảo sát định tính phân biệt đường khử và đường không khử (Glucose, Fructose, Maltose, Lactose, Saccharose, tinh bột) bằng phản ứng Fehling.

Thực hiện thủy phân PS bằng acid vô cơ.

Khảo sát định tính nhận biết Peptid, Protein bằng phản ứng Biure.

Khảo sát sự kết tủa Protein bằng các tác nhân nhiệt độ, pH, các loại muối trung tính

Khảo sát sự hòa tan của Lipid (dầu ăn) trong các dung môi khác nhau

Thực hiện phản ứng xà phòng hóa từ dầu ăn.

Khảo sát ảnh hưởng của các chất nhũ hóa đến độ bền của nhũ tương dầu trong nước.

Khảo sát khả năng thủy phân tinh bột của enzyme Amylase lấy từ nước bọt.

Khảo sát ảnh hưởng của chất hoạt hóa, chất ức chế và nhiệt độ đến hoạt tính của

Amylase

9.37. Vi sinh Y học

Học phần giới thiệu về các đặc điểm: hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học.; mối quan hệ vi sinh vật, môi trường và cơ thể, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật; các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh; các nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật

9.38. Thực hành Vi sinh Y học

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức về đặc điểm sinh lý, cấu trúc kháng nguyên, tính chất sinh vật hóa học của vi khuẩn để giúp cho công tác chẩn đoán và thực hiện những kỹ thuật cơ bản được sử dụng trong các xét nghiệm Vi sinh như: Pha chế một số môi trường nuôi cấy, thuốc thử, thuốc nhuộm sử dụng trong chẩn đoán vi khuẩn. Thực hiện một số phương pháp nhuộm, nuôi cấy xác định tính chất sinh vật hoá học và kỹ thuật kháng sinh đồ.

9.39. Đơn bào - Giun sán

Đơn bào – Giun sán giới thiệu hệ thống phân loại ký sinh trùng, phân loại đơn bào, giun tròn, sán lá, sán dải; định nghĩa các loại ký sinh trùng, ký chủ. Vị trí ký sinh, chu trình phát triển, lâm sàng và xét nghiệm phát hiện những đơn bào, giun, sán gây bệnh ở người được trình bày. Những ký sinh trùng ký sinh ở ruột nhưng không gây bệnh cũng như các kỹ thuật xét nghiệm cũng được đề cập đến. Môn học này có vị trí quan trọng trong khối kiến thức chuyên ngành.

9.40. Thực hành Ký sinh trùng đường ruột

Môn học Thực hành Ký sinh trùng đường ruột giúp sinh viên nhận dạng và phân biệt được các loại ký sinh trùng ký sinh trong ruột và một số cơ quan lân cận. Bên cạnh đó, sinh viên có thể thực hiện các phương pháp xét nghiệm chẩn đoán ký sinh trùng đường ruột và một số chẩn đoán đánh giá chức năng hấp thu hay tổn thương của hệ tiêu hóa. Đây là kỹ thuật cơ bản và trọng yếu trong các kỹ thuật xét nghiệm ký sinh trùng tại các cơ sở y tế. Môn học Thực hành Ký sinh 1 là môn học bắt buộc và có vị trí quan trọng trong khối lượng kiến thức chuyên ngành Ký sinh nói riêng và Xét nghiệm y học nói chung.

9.41. Huyết học tế bào

Trình bày được kiến thức cơ bản về huyết học cơ sở. Tổ chức phòng xét nghiệm huyết học và truyền máu.

Trình bày được kiến thức các bệnh về máu như thiếu máu- Leucemie. Suy tủy- đa hồng

câu.

9.42. Thực hành Huyết học cơ sở

Rèn luyện kỹ năng lấy máu và đếm thành thạo số lượng các loại tế bào để thành lập công thức máu

9.43. Thực hành Huyết học tế bào

Các xét nghiệm thường quy, để đánh giá tình trạng thiếu máu, nhiễm trùng.....

9.44. Huyết học đông máu và truyền máu

Trình bày được kiến thức các bệnh về máu như sinh lý đông cầm máu- Xét nghiệm khảo sát đông cầm máu- bệnh lý đông máu.

Trình bày được kiến thức về huyết học truyền máu an toàn truyền máu, tai biến truyền máu, chế phẩm máu.

9.45. Thực hành Đông máu truyền máu

Những xét nghiệm khảo sát số lượng+ chất lượng tiểu cầu. Độ bền vững của thành mạch. Khảo sát con đường đông máu nội + ngoại sinh

Phân loại nhóm máu hệ ABO +Rh

- Tìm những kháng thể lạ trong huyết thanh.
- Đảm bảo an toàn truyền máu

9.46. Vi sinh lâm sàng 1

Vi rút gây bệnh. Thực hiện các kỹ thuật nuôi cấy định danh, kháng sinh đồ. Giải thích được các tiêu chuẩn chẩn đoán vi sinh y học. Thực hiện các kỹ thuật nuôi cấy, phân lập, xác định các vi khuẩn gây bệnh và kháng sinh đồ. Biết cách pha chế thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường nuôi cấy, chuyên chở. Trình bày kiến thức cơ bản về chống nhiễm khuẩn bệnh viện. Trình bày một cách khái quát về sinh học phân tử hóa miễn dịch và các ứng dụng. Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản về sinh học phân tử và hóa miễn dịch.

9.47. Thực hành vi sinh lâm sàng 1

Nội dung gồm kiến thức về đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh và các phương pháp chẩn đoán vi khuẩn học từng loại vi khuẩn gây bệnh. Thực hiện kỹ thuật nuôi cấy phân lập và xác định các vi khuẩn gây bệnh...

9.48. Vi sinh lâm sàng 2

Trình bày một cách khái quát về sinh học phân tử miễn dịch và ứng dụng trong chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh.

9.49. Thực hành vi sinh lâm sàng 2

Nội dung gồm kỹ năng thực hiện kỹ thuật chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh từ các loại bệnh phẩm. Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về các phương pháp phân tích chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh từ các bệnh phẩm lâm sàng và ứng dụng một số kỹ thuật chẩn đoán vi sinh hiện đại.

9.50. Hóa sinh lâm sàng 1

Trình bày về chuyển hóa muối nước, chức năng gan, chức năng thận, điều hòa thăng bằng acid – base và rối loạn lipoprotein máu.

9.51. Thực hành Hóa sinh lâm sàng 1

Định lượng Glucose huyết, Glucose niệu, định lượng HbA1c trên máy sinh hóa bán tự động bằng các bộ thuốc thử có sẵn.

Định lượng Triglycerid, Cholesterol, HDL-C, LDL-C trong huyết thanh hoặc huyết tương.

Định lượng Protein toàn phần, Albumin, Globulin trong huyết thanh hoặc huyết tương.

Định lượng acid uric trong huyết thanh hoặc huyết tương.

Tổng phân tích định tính 10 thông số cơ bản trên mẫu nước tiểu tươi, quan sát bằng mắt hoặc bằng máy xét nghiệm nước tiểu

9.52. Xét nghiệm huyết học nâng cao.

Trình bày một cách khái quát về sinh học phân tử, giới thiệu các kỹ thuật di truyền cơ bản và một số ứng dụng sinh học phân tử trong lĩnh vực y học, khoa học hình sự...

Nhận biết các tế bào non. Nhận biết các lame bệnh lý đưa ra hướng chẩn đoán.

9.53. Ảnh hưởng của thuốc trên kết quả xét nghiệm

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về việc sử dụng một số nhóm thuốc trên nhóm bệnh cụ thể và những ảnh hưởng của thuốc đến sự thay đổi kết quả xét nghiệm

9.54. Hóa sinh lâm sàng 2

Xét nghiệm Hóa sinh trong một số bệnh nội khoa: Đái tháo đường, bệnh lý tuyến giáp, Enzym lâm sàng và xét nghiệm dịch não tủy. Xét nghiệm hóa sinh trong một số bệnh: nhồi máu cơ tim cấp, suy tim sung huyết cấp, hội chứng viêm..

9.55. Thực hành Hóa sinh lâm sàng 2

Định lượng Urea trong huyết thanh và nước tiểu.

Định lượng Creatinine trong huyết thanh và nước tiểu.

Định lượng microalbumin trong nước tiểu.

Định lượng GOT, GPT, GGT trong huyết thanh hoặc huyết tương.

Định lượng Bilirubin toàn phần và Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh hoặc huyết tương

Định lượng Alkaine Phosphatase , Amylase trong huyết thanh hoặc huyết tương

Định lượng Calcium, Potassium, Sodium, Chloride trong huyết thanh.

9.56. Ký sinh trùng sốt rét - Tiết túc y học

Các giun, sán ký sinh và gây bệnh ở người có gặp ở Việt Nam sẽ được giới thiệu. Ngoài ra các sinh viên sẽ hiểu thêm về hiện tượng tăng bạch cầu ái toan và thiếu máu trong các bệnh ký sinh trùng. Các bệnh ký sinh trùng cơ hội, bệnh động vật ký sinh, hội chứng ấu trùng di chuyển cũng sẽ được đề cập đến.

9.57. Thực hành Ký sinh trùng sốt rét - Tiết túc y học

Các kỹ thuật chẩn đoán KST đường ruột, Phân học chức năng. Hình thái KST sốt rét, Các kỹ thuật chẩn đoán KST sốt rét

9.58. Vi nấm y học

Cung cấp những kiến thức cơ bản về sinh học, hình thể, vai trò gây bệnh và những kỹ thuật chẩn đoán bệnh sốt rét. Đồng thời cũng trình bày hiện tượng ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc hiện nay và những nội dung trong phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét trên thế giới và tại Việt Nam. Các động vật chân khớp có vai trò trong y học cũng được giới thiệu cùng với cách phòng chống.

Các bệnh ở da, dưới da, nội tạng, bệnh cơ hội do vi nấm sẽ được trình bày. Phương pháp thu thập và xử lý bệnh phẩm, những kỹ thuật thông thường để tìm vi nấm cũng được giới thiệu

9.59. Thực hành Vi nấm y học

Vi nấm Xét nghiệm tìm vi nấm trong các loại bệnh phẩm, cấy và định danh vi nấm, tiết túc trong y học.

9.60. Thực tập kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh

Học phần nhằm giúp học viên tiếp cận với những kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh chuyên sâu trên những máy móc hiện đại tại cơ sở y tế đồng thời rèn luyện cho học viên những kỹ năng mềm khi tiếp xúc với bệnh nhân.

9.61. Thực tập kỹ thuật xét nghiệm vi sinh - ký sinh

Học phần nhằm giúp học viên tiếp cận với những kỹ thuật xét nghiệm Vi - ký sinh chuyên sâu trên những máy móc hiện đại tại cơ sở y tế đồng thời rèn luyện cho học viên

những kỹ năng mềm khi tiếp xúc với bệnh nhân.

9.62. Thực tập kỹ thuật xét nghiệm huyết học

Đây là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, rèn luyện tay nghề cho sinh viên đồng thời cho sinh viên tiếp cận với môi trường làm việc thực tế ở những cơ sở y tế chuyên sâu về kỹ thuật xét nghiệm Huyết học

9.63. Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh

Thực hành chuyên sâu các xét nghiệm sàng lọc và chẩn đoán trước sinh; xét nghiệm hóa sinh trong chẩn đoán và theo dõi điều trị bệnh loãng xương.

9.64. Định hướng cơ bản chuyên khoa Vi sinh

Định hướng các kỹ thuật xét nghiệm chuyên sâu về vi sinh lâm sàng. Tìm ra nguyên nhân gây nhiễm trùng từ các mẫu bệnh phẩm: mù, quệt hầu họng, dịch tiết... ; xác định mức độ kháng thuốc của vi sinh vật gây bệnh để từ đó hỗ trợ điều trị hiệu quả hơn

9.65. Định hướng cơ bản chuyên khoa Ký sinh

Sinh viên được giới thiệu và thực hiện các xét nghiệm chuyên sâu về vi nấm ngoài da trong phòng xét nghiệm.

9.66. Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực xét nghiệm huyết học tế bào, miễn dịch huyết học, sinh học phân tử huyết học giúp sinh viên nhận định được hình thái của các tế bào bất thường xuất hiện ở máu ngoại vi, nhận định được một số nhóm máu hiếm dễ gây tai biến truyền máu, đồng thời có thể ứng dụng được sinh học phân tử vào các xét nghiệm chẩn đoán các bệnh tự miễn huyết học. Từ đó có thể nhận biết và biện luận được kết quả huyết đồ của những bệnh lành tính và ác tính về máu.

9.67. Khoá luận tốt nghiệp

Sinh viên thực hiện luận văn tốt nghiệp

9.68. Kiến thức chuyên ngành tổng hợp

Trình bày lý thuyết chuyên sâu về: Hóa sinh, Huyết học, Vi sinh, Ký sinh trùng.

9.69. Kiến thức Thực hành nghề nghiệp

Sinh viên tổng hợp kiến thức học được từ các bệnh viện khác nhau, trao đổi cho nhau. Nắm vững kiến thức chuyên môn về hóa sinh, huyết học, ký sinh, vi sinh chuẩn bị tốt nghiệp và việc làm sau khi ra trường.

Sinh viên được ôn tập và củng cố lại cho học viên những kiến thức cơ bản về sử dụng các dụng cụ và thiết bị thực hiện xét nghiệm kỹ thuật các xét nghiệm hóa sinh,

huyết học, ký sinh, vi sinh thường quy, kiến thức quan trọng cần thiết cho nghề nghiệp sau này

Ôn tập cách biện luận kết quả các xét nghiệm hóa sinh, huyết học, ký sinh, vi sinh thường quy; xét nghiệm miễn dịch ELISA; kỹ thuật nhận định, chẩn đoán các tiêu bản bệnh lý Leukemia, kỹ năng phân tích và làm việc nhóm; kỹ năng tổng hợp báo cáo sau thực hành bệnh viện